

Labor employed index (LEI) for industrial enterprises by province

%

	LEI as of May 1, 2020 versus same period last month	LEI as of May 1, 2020 versus same period last year
WHOLE COUNTRY	100.9	98.3
Ha Noi	100.5	99.0
Vinh Phuc	101.2	90.7
Bac Ninh	100.9	98.7
Quang Ninh	100.2	101.3
Hai Duong	99.0	96.7
Hai Phong	99.7	93.3
Hung Yen	103.7	126.3
Thai Binh	102.8	94.6
Ha Nam	100.3	98.0
Nam Dinh	99.6	101.8
Ninh Binh	100.0	88.0
Ha Giang	109.9	88.5
Cao Bang	100.3	88.2
Bac Kan	102.3	99.2
Tuyen Quang	100.3	97.2
Lao Cai	100.1	95.4
Yen Bai	100.8	93.6
Thai Nguyen	100.5	90.9
Lang Son	104.3	100.0
Bac Giang	103.4	113.1
Phu Tho	101.0	103.3
Dien Bien	100.9	96.1
Lai Chau	103.1	94.5
Son La	100.4	114.0
Hoa Binh	153.5	150.7
Thanh Hoa	100.7	96.4
Nghe An	99.8	93.8
Ha Tinh	103.7	97.5
Quang Binh	100.1	111.7
Quang Tri	100.6	112.0
Thua Thien-Hue	100.0	98.6
Da Nang	99.1	94.9
Quang Nam	100.5	94.4
Quang Ngai	93.0	103.0
Binh Dinh	99.3	97.6

Phu Yen	99.4	103.1
Khanh Hoa	99.3	95.1
Ninh Thuan	101.1	101.5
Binh Thuan	101.7	97.4
Kon Tum	102.4	102.9
Gia Lai	99.9	100.8
Dak Lak	96.5	90.3
Dak Nong	100.5	99.1
Lam Dong	100.0	96.4
Binh Phuoc	105.0	101.6
Tay Ninh	100.4	98.5
Binh Duong	98.5	92.6
Dong Nai	103.4	103.1
Ba Ria - Vung Tau	100.0	99.5
Ho Chi Minh city	100.5	92.4
Long An	100.7	101.6
Tien Giang	100.6	90.2
Ben Tre	100.1	96.1
Tra Vinh	93.0	91.5
Vinh Long	99.4	112.6
Dong Thap	100.7	107.4
An Giang	100.8	144.8
Kien Giang	98.6	112.9
Can Tho	100.2	99.9
Hau Giang	100.6	107.6
Soc Trang	102.5	104.5
Bac Lieu	103.4	99.3
Ca Mau	102.2	89.8
